

CỤC THỐNG KÊ
THỐNG KÊ TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TKT-NNXH
V/v thông báo kết quả sơ bộ
điều tra thu nhập bình quân đầu
người cấp xã năm 2025

Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- BCD thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Hà Tĩnh;
- Thống kê cơ sở;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 07/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành quy trình thu thập, tổng hợp, tính toán tiêu chí về thu nhập thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Công văn số 7959/UBND-TH3 ngày 16/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc điều tra thu nhập bình quân đầu người cấp xã năm 2025; Kế hoạch 138/KH-TKT ngày 20/10/2025 của Thống kê tỉnh Hà Tĩnh về việc thực hiện điều tra thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí thu nhập bình quân đầu người cấp xã năm 2025.

Sau khi hoàn thành công tác kiểm tra, đối chiếu, tổng hợp, đánh giá và xác nhận kết quả điều tra thu nhập bình quân đầu người cấp xã năm 2025, Thống kê tỉnh Hà Tĩnh gửi đến các đơn vị kết quả điều tra thu nhập bình quân đầu năm 2025 (theo Phụ lục đính kèm).

Thống kê tỉnh Hà Tĩnh thông báo và báo cáo để các cơ quan, đơn vị thống nhất sử dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu VT, NNXH.

Q. TRƯỞNG THỐNG KÊ

Nguyễn Trung Thành

KẾT QUẢ SƠ BỘ THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI NĂM 2025
(Theo Công văn số: /TKT - NNXH, ngày tháng 12 năm 2025)

STT	Mã đơn vị hành chính	Phường/ xã	TNBQ đầu người năm 2025 (triệu đồng/người)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>
I		TOÀN TỈNH	60,88
II		PHÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN	
1		Thành thị	69,65
2		Nông thôn	58,54
III		PHÂN THEO PHƯỜNG, XÃ	
1	18073	Phường Thành Sen	76,63
2	18100	Phường Trần Phú	65,03
3	18652	Phường Hà Huy Tập	61,40
4	18673	Xã Cẩm Xuyên	61,32
5	18676	Xã Thiên Cầm	56,82
6	18682	Xã Yên Hòa	54,27
7	18685	Xã Cẩm Bình	64,20
8	18736	Xã Cẩm Hưng	54,01
9	18739	Xã Cẩm Duệ	58,10
10	18742	Xã Cẩm Trung	55,29
11	18748	Xã Cẩm Lạc	56,70
12	18604	Xã Thạch Khê	53,22
13	18619	Xã Đồng Tiến	55,22
14	18628	Xã Thạch Lạc	57,27
15	18115	Phường Bắc Hồng Lĩnh	69,82
16	18118	Phường Nam Hồng Lĩnh	71,00
17	18352	Xã Nghi Xuân	60,17
18	18364	Xã Đan Hải	59,75
19	18373	Xã Tiên Điền	59,97

20	18394	Xã Cỏ Đạm	58,92
21	18754	Phường Sông Trí	70,40
22	18781	Phường Hải Ninh	62,31
23	18823	Phường Vững Áng	67,06
24	18832	Phường Hoàn Sơn	64,75
25	18766	Xã Kỳ Xuân	57,41
26	18775	Xã Kỳ Anh	60,15
27	18787	Xã Kỳ Văn	53,54
28	18790	Xã Kỳ Khang	58,33
29	18814	Xã Kỳ Hoa	59,78
30	18838	Xã Kỳ Lạc	53,18
31	18844	Xã Kỳ Thượng	54,62
32	18133	Xã Hương Sơn	62,20
33	18160	Xã Sơn Hồng	52,80
34	18163	Xã Sơn Tiến	57,10
35	18172	Xã Sơn Tây	61,50
36	18184	Xã Sơn Giang	58,00
37	18196	Xã Sơn Kim 1	56,00
38	18199	Xã Sơn Kim 2	61,00
39	18202	Xã Tứ Mỹ	54,03
40	18223	Xã Kim Hoa	55,70
41	18229	Xã Đức Thọ	63,00
42	18244	Xã Đức Minh	61,80
43	18262	Xã Đức Quang	60,60
44	18277	Xã Đức Thịnh	62,00
45	18304	Xã Đức Đồng	58,90
46	18406	Xã Can Lộc	65,12
47	18409	Xã Hồng Lộc	55,30
48	18418	Xã Tùng Lộc	52,16
49	18436	Xã Trường Lưu	54,02
50	18466	Xã Gia Hanh	58,25
51	18481	Xã Xuân Lộc	58,05

52	18484	Xã Đồng Lộc	61,21
53	18562	Xã Thạch Hà	61,78
54	18568	Xã Lộc Hà	57,32
55	18583	Xã Mai Phụ	60,15
56	18586	Xã Đông Kinh	56,65
57	18601	Xã Việt Xuyên	58,64
58	18634	Xã Toàn Lưu	60,12
59	18667	Xã Thạch Xuân	60,26
60	18496	Xã Hương Khê	64,86
61	18502	Xã Hà Linh	50,16
62	18523	Xã Hương Bình	51,64
63	18532	Xã Hương Phố	53,33
64	18544	Xã Hương Xuân	51,83
65	18547	Xã Phúc Trạch	60,68
66	18550	Xã Hương Đô	60,36
67	18313	Xã Vũ Quang	57,50
68	18322	Xã Mai Hoa	59,09
69	18328	Xã Thượng Đức	54,30